



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

LOI#: _____

I-171#: _____ Y _____ NO _____

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN NGOC CUU
Last Middle First

Current Address: 102 K98 Quin Thi xa Phan Rang Thap Chau Thuan Hai

Date of Birth: 3/9/42 Place of Birth: Nam Thuan

Previous Occupation (before 1975) 1st Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 5/1/75 To 6/21/81
Years: 6 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Nguyen Ngoc Cung
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Truong thi Lang	9/19/54	wife
Nguyen Ngoc Bich Ha	9/28/84	daughter
Nguyen Ngoc Bich Hien	10/23/89	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Đanang 26.12.1985.

Tớa Bà !

Tôi là Nguyễn ngọc Cang có nghe tên bà Tiên dãi nên tôi
mặc mười gửi Thủ này cho Bà kèm theo toàn bộ hồ sơ của
tôi mong như Bà gửi đến nơi nào cần xét cho việc xin định
cư của tôi cũng như xin Bà tìm giúp cho tôi một người
bảo trợ (Trong năm 1984 tôi có gửi hồ sơ đi Thái Lan
nhưng tôi không biết có tới hay không). Nếu không có gì
trở ngại xin bà làm ơn tôi đáp đền tôi an tâm.

Trân trọng cảm ơn Bà. Xin chúc Bà và gia đình
hàng một mùa Giáng Sinh vui vẻ.

Kacuna

Nguyễn ngọc Cang :

TB. Xin Bà không cần cho những
hồ sơ của tôi.

GENERAL ASSOCIATION OF FORMER POLITICAL PRISONERS OF VIETNAM OR COMMUNIST

Tổng Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị Cộng Sản Việt Nam

P.O. BOX 1953, GARDEN GROVE, CA 92642 - TEL:

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM

Mẫu ghi tên Tù Nhân Chính Trị

(Two Copies)

IV. # _____
VEWL. # _____
171: _____ Y _____ N _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education Camp in Viet Nam, so that eligibility for U.S.A. admission via the Greeny
Osbourne Program can be established.

(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các Trại Cải Tạo ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự)

A. GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có)

1. Name (Family name, middle, first): NGUYEN NGOC CUNG

(Họ và tên theo thứ tự Việt Nam)

2. Sex: Male DOB 09/3/1947 Place of Birth: Tân Tà - Phan Rang - Ninh Thuận

(Phái)

(Ngày sinh)

(Nơi sinh)

3. Last position/Rank Agency/Unit Trung úy - Sĩ quan Chiến tranh chính trị Tiểu đoàn 242/

(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng)

- Địa phương - Tiểu khu Daklak

B. ARREST

(Giam giữ)

1. Date & Place of Arrest: 04/5/1975 tại Ninh Thuận

(Ngày nơi trình diện/bị bắt giữ)

2. Name, Location of Prison or Re-education Camps: Trại cải tạo A30 - Tuy Hòa - Phú Khánh

(Tên địa điểm các trại giam)

3. Date of release or still in camps: Trở ngày 21/6/1981

(Ngày được thả hay còn bị giam)

C. FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: Đã 1 vợ và 2 con

(Có gia đình hay độc thân)

2. If married, please complete names of Spouse & Children

(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)

Vợ: Trương Thị Lang

Con: Nguyễn Ngọc Bích Hà

Con: Nguyễn Ngọc Bích Hiền

3. Address of family: Nhà phố 3 phường Tân Tà - Thị xã Phan Rang Tháp Chàm - Thuận Hải

(Địa chỉ gia đình)

D. APPLICANT:

(Người đứng tên)

1. Name: _____

(Họ và tên)

Occupation _____

(Nghề nghiệp)

2. Address and phone number: _____

(Địa chỉ và điện thoại)

3. Relationship with detainee: _____

(Liên hệ với tù nhân cải tạo)

4. Status in U.S.A.:

(Tình trạng cư trú)

Permanent Resident ☐

U.S. Citizen ☐

5. Are you willing to sponsor the above detainee (if released)

(Ông, bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đồng ý không?)

Yes ☐ No ☐

Date: 09/02/89

(Ngày, tháng, năm)

Signature of Applicant:

(Chữ ký của người đứng tên)

(Certificate of Release)

GENERAL ASSOCIATION OF
FORMER POLITICAL PRISONERS OF VIETNAMESE COMMUNIST
TỔNG HỘI CỰU TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ CÔNG SẢN VIỆT NAM

P.O. BOX 1353, GARDEN GROVE, CA 92642 - TEL: (714) 634-4136

POLITICAL PRISONERS REGISTRATION FORM

Mẫu ghi tên tù nhân chính trị

(Two Copies)

IV. # _____
VEWL. # _____
1711 _____ Y _____ N _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education Camp in Viet Nam, so that eligibility for U.S. citizenship via the Orderly Departure Program can be established.

(Mục đích của mẫu này là xác định những người đã và đang bị giam cầm trong các Trại Cải tạo ở Việt Nam để được phép vào Hoa Kỳ theo chương trình ra đi có trật tự.)

A. GENERAL BIOGRAPHY: (Photo if available)

Lý lịch tổng quát, kèm ảnh nếu có

1. Name (Family name, middle, first): NGUYỄN NGỌC CUNG

(Họ và tên theo thủ tục Việt Nam)

2. Sex: Male DOB 09.3.1947

(Phái)

(Ngày sinh)

(Ngày sinh)

Place of Birth: Tân Tái - Phan Rang - Ninh Thuận

3. Last position/Rank Agency/Unit Trung úy - Sĩ quan Chiến tranh chính trị Tiểu đoàn 242/Đa phương

(Chức vụ/cấp bậc, Cơ quan/Đơn vị cuối cùng)

Tiểu khu Đak Lak

B. ARREST

(Giám giữ)

1. Date & Place of Arrest: 01.5.1975 Tại Ninh Thuận

(Ngày diễn biến/bị bắt giữ)

2. Name, Location of Prisons or Re-education Camps: Tại các trại A30 - Khu 1 thành Tuy Hòa

(Tên địa điểm các trại giam)

3. Date of release or still in camps: Tra ngày 21.6.1981

(Ngày được thả hay còn bị giam)

C. FAMILY STATUS:

(Tình trạng gia đình)

1. Married or single: Có 1 vợ và 2 con.

(Cố gia đình hay độc thân)

2. If married, please complete names of Spouse & Children

(Nếu có gia đình, xin điền thêm người vợ/chồng và các con)

Vợ: Trưởng Thị Long

Con: Nguyễn Ngọc Bích Hà

Nguyễn Ngọc Bích Tiên

3. Address of family:

(Địa chỉ gia đình)

Đường phố 3 phường Tân Tái - Thị xã Phan Rang Tháp Chàm - Thuận Hải.

D. APPLICANT:

(Người đứng đơn)

1. Name: _____

(Họ và tên)

Occupation: _____

(Nghề nghiệp)

2. Address and phone number: _____

(Địa chỉ và điện thoại)

3. Relationship with detainee: _____

(Liên hệ với tù nhân cải tạo)

4. Status in U.S.A.:

(Tình trạng cư trú)

Permanent Resident by _____

U.S. Citizen ☐

5. Are you willing to sponsor the above detainee (if released)

(Ông, Bà có sẵn sàng đứng ra bảo trợ cho đồng chí không?)

Yes ☐ No ☐

Date: 09/02/89

(Ngày, tháng, năm)

Signature of Applicant

(Chữ ký của người đứng đơn)

(Certificate of Release)

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS

CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV # _____

Date/Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:

Xin điền vào sổ câu hỏi này bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Gửi sổ câu hỏi này tới:
Tổ Công Tác Việt-Hoa
6 Chu Văn An
Hà Nội

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn bản

1. Name/Họ, tên: NGUYỄN NGỌC CUNG Sex/Phái: Nam

2. Other Names/Họ, tên khác: _____

3. Date/Place of Birth/Ngày/Nơi Sinh: 09-3-1947 - Tân Tài - Phan Rang - Ninh Thuận

4. Residence Address: Đường 3 - Phường Tân Tài - Phan Rang - Thuận Hải
Địa-chỉ thường-trú: _____

5. Mailing Address: 102 Ngõ Quyển - Thị xã Phan Rang-Tháp Chàm - Thuận Hải
Địa-chỉ thư-lưu: _____

6. Current Occupation/Nghề-nghiep hiện tại: Chăn nuôi

B. Relatives to accompany me/Bà con cũng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows:
Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).

(Chú-ý: Vợ/chồng và con cái có thể cũng đi với bạn mà thôi. Kê khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia-đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/ Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia-đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. <u>TRƯƠNG THỊ LANG</u>	<u>19.9.1954</u>	<u>Sài Gòn</u>	<u>Nữ</u>	<u>M</u>	<u>Vợ</u>
2. <u>NGUYỄN NGỌC DIỆC HẠ</u>	<u>28.9.1984</u>	<u>Thuận Hải</u>	<u>Nữ</u>	<u>MS?</u>	<u>Con</u>
3. <u>NGUYỄN NGỌC DIỆC HIỀN</u>	<u>23.10.1989</u>	<u>Thuận Hải</u>	<u>Nữ</u>	<u>MS?</u>	<u>Con</u>
4. _____	_____	_____	_____	_____	_____
5. _____	_____	_____	_____	_____	_____
6. _____	_____	_____	_____	_____	_____
7. _____	_____	_____	_____	_____	_____
8. _____	_____	_____	_____	_____	_____
9. _____	_____	_____	_____	_____	_____
10. _____	_____	_____	_____	_____	_____

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompany relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Ý: Cho mỗi người có tên trên danh-sách trên, chúng tôi cần một bản, khai-minh, giá-thủ (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngự với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoại Quốc

Of myself/của tôi

Of my spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name/Họ, Tên : _____
b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : _____
c. Address/Địa-chỉ : _____
d. Date of Relatives Arrival in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ : _____

2. Closest relative in other foreign countries
Bà con thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name/Họ, Tên : _____
b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : _____
c. Address/Địa-chỉ : _____

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh-Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father/Cha : Nguyễn Đông (Sống)
2. Mother/Mẹ : Lê Thị Hậu (Sống)
3. Spouse/Vợ/Chồng : Vợ: Trương Thị Lang (Sống)

4. Former spouse (if any)/Vợ/Chồng trước (nếu có): _____

5. Children/Con cái: (1) Nguyễn Ngọc Bích Hà
(2) Nguyễn Ngọc Bích Hiền
(3) _____
(4) _____
(5) _____
(6) _____
(7) _____
(8) _____
(9) _____

6. Siblings/Anh chị em: (1) Nguyễn Ngọc Hiền (Sống)
(2) Nguyễn Thị Tôn (Sống)
(3) Nguyễn Thị Xuân Mây (Sống)
(4) Nguyễn Ngọc Trường (Sống)
(5) Nguyễn Ngọc Tuyên (Sống)
(6) Nguyễn Thị Xuân Trang (Sống)
(7) _____
(8) _____
(9) _____

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of you or your Spouse
 Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công-sở của chính-phủ Mỹ hoặc hãng mỹ

1. Employee Name/
 Tên họ nhân-viên : _____
 Position title/Chức-vụ : _____
 Agency/Company/Office
 Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____
 Length of Employment/ From/ To/
 Thời-gian làm-việc Từ: _____ Tối: _____
 Name of American Supervisor/Tên họ giám-Thị Mỹ : _____
 Reason for Separation/Lý-do nghỉ việc : _____

2. Employee Name/
 Tên họ nhân-viên : _____
 Position title/Chức-vụ : _____
 Agency/Company/Office
 Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____
 Length of Employment/ From/ To/
 Thời-gian làm-việc Từ: _____ Tối: _____
 Name of American Supervisor/Tên họ giám-Thị Mỹ : _____
 Reason for Separation/Lý-do nghỉ việc : _____

3. Employee Name/
 Tên họ nhân-viên : _____
 Position title/Chức-vụ : _____
 Agency/Company/Office
 Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____
 Length of Employment/ From/ To/
 Thời-gian làm-việc Từ: _____ Tối: _____
 Name of American Supervisor/Tên họ giám-Thị Mỹ : _____
 Reason for Separation/Lý-do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/
 Bạn Hoặc Vợ/Chồng đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving/
 Họ tên người tham-gia : NGUYỄN NGỌC CUNG
 2. Dates/Ngày, tháng, năm : From/Từ: 21.6.1968 - To/Tối: 30.4.1975
 3. Last Rank
 Cấp-bậc cuối-cùng : Trung úy Serial Number/
 Số thẻ nhân-viên : 67/408.606
 4. Ministry/Office/Military Unit:
 Bộ/sở/Đơn-Vị/Binh-Chúng : Tiền đồn 242/ĐP - Tiền khu Daklak
 5. Name of Supervisor/C.O.
 Họ tên người giám-thị/cá-quan chỉ-huy: Đại tá Nguyễn Trọng Luật

6. Reason for Separation/Lý-do nghỉ việc: bi tập Trung tâm tại TP 01.5.1985

7. Names of American Advisor(s)/Họ tên cố-vấn Mỹ: _____

8. U.S. Training Courses in Vietnam/Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ tại Viet-Nam: _____

9. U.S. Awards or Certificates
 Name of award/Phần-thưởng hoặc giấy khen: _____ Date received/ Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes ☐ No ☐ (CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy khen, hoặc chứng-thủ nếu có. Đính sự có không? Có ☐ Không ☐)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/
 Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee/
 Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____

2. School and School Address/
 Trường và địa-chỉ nhà trường: _____

3. Dates/Ngày, tháng, năm: From/Từ: _____ To/Đến: _____

4. Description of Courses/
 Mô-tả ngành học: _____

5. Who paid for training?
 Ai đài-tho chương-trình huấn-luyện? : _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☐ (CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☐)

H. Re-education of you or your spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation/
 Họ tên người đi học-tập cải-tạo: NGUYỄN NGỌC CUNG

2. Time in Reeducation/Thời gian học-tập: From/Từ: 01.5.1985 To/Đến: 21.6.1981

3. Still in Reeducation?/Vẫn còn học-tập cải-tạo? * Yes/Có ☐ No/Không ☒

* (If released, we must have a copy of your release certificate./
 * (Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc?

Xin CSNH Hoa Kỳ cho tôi và gia đình sớm được
 nhập cư vào Hoa Kỳ.

Signature/Ký tên: Meura Date/Ngày: 26.12.1989

J. Please list here all documents attached to this questionnaire/
 Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

1/1 Giấy ra Trại
 2/1 Căn cước quân nhân
 3/1 Chứng chỉ tại ngũ
 4/1 Hôn thú

5/ 01 khai sinh vợ (có ảnh)
 6/ 01 khai sinh con (có ảnh)
 7/ 01 khai sinh con (có ảnh)
 8/ 01 trên nhân là sở tại V.N.
 9/ 01 chứng minh nhân dân của vợ.
 10/ 02 hộ khẩu

SAC Y BẢN CHÁNH

TỔ TÀI LƯU 12/12/1954
THUẾ NHẬP LƯU TÀI



Nguyễn Văn Công



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 250251442

Họ tên TRƯƠNG THỊ LANG

Sinh ngày 19-9-1954

Nguyên quán Phan rang.

Ninhhai. Thuận hai.

Nơi thường trú E-khu 19, Phan
rang, Ninh hai, Thuận hai.



Dân tộc: **kinh** Tôn giáo: **Không**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo tròn 0,4cm cách
2,1cm dưới sụn đuôi
mặt trái.

Năm tháng ngày năm 1979



TRƯỞNG TY CÔNG AN
TRƯỞNG TV

Huỳnh

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CĂN - CƯỚC

QUÂN NHÂN

Số:

006605



Họ Tên NGUYỄN NGỌC_CUNG

Cấp bậc Trung_Úy

Số quân 67'408.606

Ngày, nơi sinh 00.03.1947

Thanh_hải, Ninh thuận

Cha Nguyễn_Đông

Mẹ Lê_thị_Hậu

QĐ. 849 A



AN 017278

Dấu vết riêng.

Cao : 1th, 73

Nốt ruồi sọc c'1 sau
cạnh mũi trái, vvt

Loại máu : O RH -

Số thẻ căn cước dân sự : 07885888

Ngày, nơi cấp 11.8.71 BMT huộc

KBC 4125 Ngày 24.9.73

Ngón trỏ mặt



Ngón trỏ trái



QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ-QUỐC-PHÒNG

CHỨNG-CHỈ TẠM NGŨ

Số: 2B4435

Họ và Tên: NGUYỄN VĂN CUNG

Cấp bậc: Trung-Úy

Số quân: 677408.60

Đơn vị: 1 Tiểu Đoàn 242

KBC 2008

2310-1974



Signature

Mẫu QĐ-750 G/H
01.10.74

08.74.TTALAP.O.273

(Thay thế mẫu QĐ.750 F ngày 01.10.72)

Hiệu lực đến	Hiệu lực đến	Hiệu lực đến	Hiệu lực đến
	TRÁI	Dấu tay ngón trỏ	Ngày sinh : 09-03-1947 Nơi sinh : Ninh-Thuận Cha : Nguyễn-Đông Mẹ : Lê-Thị-Hậu Địa-chỉ hiện tại : KBC.7008 Chữ ký đồng-sự
	PHẢI		

GIẤY RA TRẠI

— Căn cứ chỉ thị số: 316/TTg ngày 22-8-1977 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên Bộ Nội Vụ — Quốc phòng số: 07/TT-B ngày 29-12-1977 về việc xét tha đối tượng là cũ quân, binh lính và nhân viên ngày trước ở các tỉnh phía Nam hiện đang bị

TTGDCT do Trại cải tạo A30 Ty Công an Phú Khánh quản lý

— Căn cứ quyết định số: 1027/DKĐ. TS. 6. 1981 TY CÔNG AN PHÚ KHÁNH. Quyết định tha đối tượng chịu cải tạo ra khỏi trại.

1 — Nay cấp giấy ra trại cho anh, chị có tên sau đây:

— Họ và tên: NGUYỄN NGỌC CUNG Bí danh:

— Họ tên thường gọi:

— Sinh ngày 19 tháng 3 năm 1947

— Sinh quán: Cần Tân, Phan Rang, Thanh Hải, Chơn Hải.

— Trú quán: Cố 1, Km 31, Đường Tân Tân, Phan Rang, Ch.

— Quốc tịch: Việt Nam. — Dân tộc: Kinh

— Tôn giáo: Thiên chúa giáo — Đảng phái:

+ Cấp bậc, chức vụ trước khi bị TTCT: TRUNG ÚY. Sĩ quan chiến tranh chính trị, Tiểu đoàn 246 Địa phương quân - Tiểu khu Dak Lak.

— Ngày bị bắt hoặc TTCT: 01. 5. 1975

— Nay về cư trú tại: Cố 1, Km 31, Đường Tân Tân, Phan Rang.

2 — Khi về địa phương đương sự phải xuất trình Quyết định này với Ủy ban nhân dân địa phương biết để làm các thủ tục cần thiết: đăng ký hộ khẩu, sắp xếp công việc làm ăn, làm đầy đủ nghĩa vụ người công dân, và phải thi hành lệnh quản chế thời gian 10 tháng.

Phú Khánh, ngày 21 tháng 6 năm 1981

Lấn tay ngón trở phải

Họ, tên, chữ ký
người được cấp giấy

BÀN GIÁM THỊ
Giám thị trưởng

Nguyễn Ngọc Cung

Danh bản số:

Lập tại:



SAO Y BẮC QUẢNG

FRANCO HANH

10 12 1981

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT 12/P3

Xã, Phường Tân Tiến

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

QĐ số

Quận, Huyện Tây Ninh

Ngày 12/5/83

Tỉnh, Thành phố: Tây Ninh

Số 212

Quyền số C.1

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên: Nguyễn Ngọc Cung Trương Thị Lan

Bí danh: Không Không

Sinh ngày tháng: 09.03.1947

năm hay tuổi: 1954

Dân tộc: Kinh Kinh

Quốc tịch: Việt Nam Việt Nam

Nghề nghiệp: Làm nông Công nhân viên chức

Nơi đăng ký: Khu 4 Tân Tiến Đoàn công nghiệp thị xã

nhân khẩu: Thị xã Tân Tiến phân trường Tân Tiến

thường trú: Thị trấn Tân Thị trấn Tân

Số giấy chứng minh nhân dân: 260251442

hoặc hộ chiếu:

Đăng ký ngày 12 tháng 5 năm 1984

Người chồng ký

Người vợ ký

T.M. U.B.N.D. Phường Tân Tiến

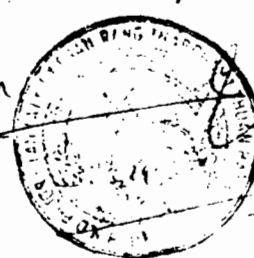
Nguyễn Ngọc Cung

Trương Thị Lan

Tổ trưởng

Nguyễn Ngọc Cung

Trương Thị Lan



Tổ trưởng



SAO Y DÂN CHANH

12

81

Nguyễn Ngọc

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH

BỐN TRÍCH LỤC
BỘ KHAI-SANH

Xã Phú-Nhuận

H:103

Năm 1954

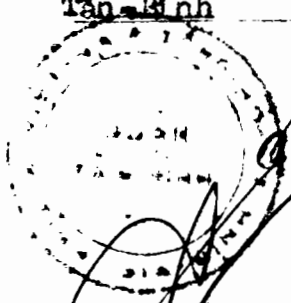
Số hiệu: 1080

Tên, họ đầu nhĩ	Trương-Thị-Lang
Phái	Nữ
Sinh (ngày, tháng, năm)	Ngày 19 Tháng chín đĩ 1954 hồi 18g3
Tại	Phú-Nhuận
Cha (Tên, họ)	Trương-TS
Nghề	Hạ-sĩ-Nhất
Cư trú tại	Phú-Nhuận
Mẹ (Tên, họ)	Trần-Thị-Hương
Nghề	Hội-trợ
Cư trú tại	Phú-Nhuận
Vợ (Chánh hay thứ)	Vợ-Chánh

Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Chủ-Tịch

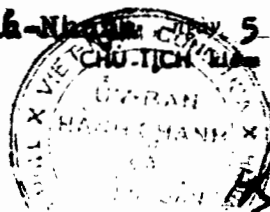
kiêm Ủy-viên Hộ-tịch Xã Phú-Nhuận

Tân-Bình, ngày 5 tháng 05 năm 1969



Trích y bốn chánh:

Phú-Nhuận, ngày 5 tháng 05 năm 1969



NGUYỄN-THÀNH-HÙNG

ỦY BAN NHÂN DÂN

Phường, Xã TÂN TÀI

Huyện, Thị Bhơn Rang Cháy Chấm

TỈNH THUẬN BÀI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập -- Tự do -- Hạnh phúc

GIẤY KHAI SINH

Số

Quyển số



--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	NGUYỄN NGỌC BÌNH HÀ		Nam, nữ	Nữ		
Sinh ngày tháng, năm	28-9-1984 (hai mươi tám - tháng chín - một chín tám tư)					
Nơi sinh	Bệnh viện Bhoan Rang					
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ			
Họ tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN NGỌC CUNG 37 Tuổi (09-3-1947)		TRƯƠNG THỊ LANG 30 Tuổi (1954)			
Dân tộc	Kinh		Kinh			
Quốc tịch	Việt Nam		Việt Nam			
Nghề nghiệp	Làm nông		Trợ máy			
Nơi ĐKNK thường trú	Tổ 1, dân phố 4, Phường Tân Tài, xóm 13, dân phố 4, An Long					
Họ tên tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Ngọc Cung, 37 Tuổi, Phường Tân Tài, Tổ 1, dân phố 4, Phường Tân Tài, Thị xã Bhoan Rang, Tháp Chàm, Tỉnh Thuận Bài					

Khai tại ngày 14 tháng 10 năm 84

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

T.M. UBND Phường
Trưởng khu vực



Tổ trưởng Khu

26/10/81

Đã duyệt báo cáo chi' đ' đ'
Sinh đ' đ'.

~~29/10/81~~

~~Đ. M. S.~~

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu TP/HT 3

Xã, phường.....TÂN TÀI.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....251.....Huyện, Quận.....Phan Rang TC.....Quyển số.....02.....Tỉnh, Thành phố.....Thuận Hải.....

GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên NGUYỄN NGỌC BÍCH HIỀN Nam hay nữ NỮ
Ngày, tháng, năm sinh 23/10/1989 (sinh ngày hai mươi ba tháng mười
năm một chín tám chín)
Nơi sinh Hệ sinh khu vực Phan Rang
Dân tộc KINH Quốc tịch VIỆT NAM

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>TRƯƠNG THỊ LANG</u>	<u>NGUYỄN NGỌC CUNG</u>
Tuổi	<u>1954</u>	<u>1947</u>
Dân tộc	<u>KINH</u>	<u>KINH</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Chăn nuôi</u>	<u>Chăn nuôi</u>
Nơi thường trú	<u>Tổ dân phố 3 Phường Tân Tài Phan Rang TC</u>	<u>Tổ dân phố 3 phường Tân Tài Phan Rang TC</u>

Họ, tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

NGUYỄN NGỌC CUNG, tổ dân phố 3 Phường Tân Tài
CM : 260516655

Đăng ký ngày 06 tháng 12 năm 19 89
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 12 tháng 12 năm 1989

T/M UBND

ký tên, đóng dấu



Nguyễn Ngọc Chương

CÔNG AN TỈNH THUAN HAI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 778 / XC

oOo

BIÊN NHẬN HỒ SƠ XUẤT CẢNH

Chúng tôi có nhận hồ sơ của ông, bà: Nguyễn Ngọc Chung
Sinh năm: 1947 Dân tộc: Hà Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: Thị trấn 3, Tân Tạo, Phan Rang
Xin xuất cảnh đến nước: Mỹ (diện SQ cũ)
Cùng đi có: 2 người

Ông, bà về yên tâm làm ăn, chúng tôi sẽ thông báo kết quả bằng thư cho ông, bà biết./.

Trụ sở hải quan, ngày 10 tháng 12 năm 1988

Người nhận

[Signature]

LỜI DẶN

- Sổ do Bộ Nội vụ ban hành, không cơ quan đơn vị nào được tự tiện sửa đổi mẫu sổ.
- Mỗi hộ gia đình lập hai sổ : một sổ do chủ hộ giữ, một sổ lưu tại cơ quan đăng ký hộ khẩu sổ tại.
- Cấm tẩy xóa, sửa chữa. Người cơ quan đăng ký hộ khẩu, không ai được tự ghi nội dung sự việc đăng ký vào sổ.
- Nếu cả hộ gia đình chuyển đến nông thôn những nơi không lập sổ hộ khẩu gia đình hoặc đến tỉnh, thành phố, đặc khu khác thì công an cấp giấy chứng nhận chuyển đi thu lại sổ.
- Mất sổ phải báo ngay cho công an phường, xã, thị trấn sổ tại.
- Cấm mua, bán hoặc cho mượn sổ.



NK 3a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH THUẬN HẢI

SỔ HỘ KHẨU GIA ĐÌNH

Họ và tên chủ hộ Nguyễn Hồng
Số nhà Ngõ (hẻm)
Đường phố, xóm, ấp, bản Đầu Phố 3

Phườn, xã, thị trấn Tân An
Quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Đà Nẵng
Phạm Văn Cháp, dân Thuận Hải



QUYỀN SỐ 152 I

Chủ hộ Nguyễn Đăng

Số 1527

Quan hệ với chủ hộ		1	2
Nội dung		chủ hộ	V3
1—Họ và tên		Nguyễn Đăng	Lê Thị Bình
Tên thường gọi			
2—Ngày tháng năm sinh		1920	1926
3—Nơi sinh		BV Phanrang	BV Phanrang
4—Nam hay Nữ		Nam	Nữ
5—Nguyên quán		Quảng Bình	Đầu Cầu Ninh Kiều
6—Dân tộc		Kinh	Kinh
7—Tôn giáo		không thuộc giáo	không thuộc giáo
8—Số giấy CMND		260249262	2602119270
9—Nghề nghiệp		Nông	Nông
và nơi làm việc			
10. Chuyển đến :			
—Ở đâu đến :		Đầu Cầu	Đầu Cầu
—Ngày đến :		1920	1926
11. Chuyển đi			
—Đi đâu			
—Ngày đi			
Cơ quan ĐKKK	Ngày tháng năm đăng ký Trưởng công an quận huyện ký tên đóng dấu (Ghi rõ họ tên cấp bậc)		

Chủ hộ Nguyễn Thị ST 1827

35 121

Quan hệ với chủ hộ		4
Nội dung		Cháu nội
1--Họ và tên	Tên thường gọi	Cháu nội
2--Ngày tháng năm sinh		28.10.1989
3--Nơi sinh		Hệ sinh K/Vực Phạm
4--Nam hay Nữ		Nữ
5--Nguyên quán		Quê Bà Phạm
6--Dân tộc		Kinh
7--Tôn giáo		Thiên chúa giáo
8--Số giấy CMND		
9--Nghề nghiệp		Công nhân
	và nơi làm việc	
10. Chuyển đến :		
—Ở đâu đến :		Bình Nhị
—Ngày đến :		15.12.1989
11. Chuyển đi		
—Đi đâu		
—Ngày đi		
Ngày tháng năm đăng ký		15.12.1989
Trưởng công an quận huyện ký tên đóng dấu (Ghi rõ họ tên cấp bậc)		

[illegible]

Chủ hộ Nguyễn Đăng Số 1521

Quan hệ với chủ hộ		3	4
Nội dung		Cháu	Con
1--Họ và tên		<u>Ngô Song Ngọc Dương</u>	<u>Ngô Thị Kiều Dương</u>
Tên thường gọi		<u>Colly</u>	
2--Ngày tháng năm sinh		<u>1974</u>	<u>1967</u>
3--Nơi sinh		<u>BV Phansang</u>	<u>BV Phansang</u>
4--Nam hay Nữ		<u>Nam</u>	<u>Nữ</u>
5--Nguyên quán		<u>Quảng Bình</u>	<u>Cần Thơ Phansang</u>
6--Dân tộc		<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
7--Tôn giáo		<u>Thiên Chúa giáo</u>	<u>Thiên Chúa giáo</u>
8--Số giấy CMND			<u>260 516 562</u>
9--Nghề nghiệp và nơi làm việc		<u>học sinh</u>	<u>busu bán</u>
10. Chuyển đến : — Ở đâu đến : — Ngày đến :			
11. Chuyển đi — Đi đâu — Ngày đi			
Cơ quan ĐKKH	Ngày tháng năm đăng ký Trưởng công an quận huyện ký tên đóng dấu (Ghi rõ họ tên cấp bậc)		

Chủ hộ Nguyễn - Đăng Số 1521

Quan hệ với chủ hộ		Đ	5
Nội dung		Con	Cháu
1--Họ và tên		<u>Ngô Ngọc Dương</u>	<u>Ngô Ngọc Bích Hà</u>
Tên thường gọi			
2--Ngày tháng năm sinh		<u>1947</u>	<u>1984</u>
3--Nơi sinh		<u>Phansang</u>	<u>BV Phansang</u>
4--Nam hay Nữ		<u>Nam</u>	<u>Nữ</u>
5--Nguyên quán		<u>Quảng Bình</u>	<u>Quảng Bình</u>
6--Dân tộc		<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
7--Tôn giáo		<u>Thiên Chúa giáo</u>	<u>Thiên Chúa giáo</u>
8--Số giấy CMND		<u>260 516 655</u>	
9--Nghề nghiệp và nơi làm việc		<u>học</u>	<u>nhỏ</u>
10. Chuyển đến : — Ở đâu đến : — Ngày đến :		<u>Cần Thơ</u>	<u>Cần Thơ</u>
11. Chuyển đi — Đi đâu — Ngày đi			
Cơ quan ĐKKH	Ngày tháng năm đăng ký Trưởng công an quận huyện ký tên đóng dấu (Ghi rõ họ tên cấp bậc)		

LỜI DẶN

- Sổ do Bộ Nội vụ ban hành, không cơ quan đơn vị nào được tự tiện sửa đổi mẫu sổ.
- Mỗi hộ gia đình lập hai sổ : một sổ do chủ hộ giữ, một sổ lưu tại cơ quan đăng ký hộ khẩu sổ tại.
- Cấm tẩy xóa, sửa chữa. Ngoài cơ quan đăng ký hộ khẩu, không ai được tự ghi nội dung sự việc đăng ký vào sổ.
- Nếu cả hộ gia đình chuyển đến nông thôn những nơi không lập sổ hộ khẩu gia đình hoặc đến tỉnh, thành phố, đặc khu khác thì công an cấp giấy chứng nhận chuyển đi thu lại sổ.
- Mất sổ phải báo ngay cho công an phường, xã, thị trấn sở tại.
- Cấm mua, bán hoặc cho mượn sổ.



NK 3a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH THUẬN HẢI

SỔ HỘ KHẨU GIA ĐÌNH

Họ và tên chủ hộ

Trần Thị H. Hoàng

Số nhà

Ngõ (nếu)

Đường phố, xóm, ấp, bản

Ban Dền Phố 2

Phường, xã, thị trấn

Thị trấn Long

Quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh

Phước Bình

Thuận Hải



QUYỀN SỐ *0370*^F

Chủ hộ Trần Thị Hương Số 0370⁺

Quan hệ với chủ hộ	1	2
Nội dung	Chú	Con
1-Họ và tên Tên thường gọi	<u>Trần Thị Hương</u>	<u>Trần Thị Hương</u> <u>Trần Thị Hương</u>
2-Ngày tháng năm sinh	<u>1933</u>	<u>19.9.1954</u>
3-Nơi sinh	<u>Quận 4 Sài Gòn</u>	<u>Phủ Nhuân Sài Gòn</u>
4-Nam hay Nữ	<u>Nữ</u>	<u>Nữ</u>
5-Nguyên quán	<u>Quận 4 Sài Gòn</u>	<u>Kinh Lữ</u>
6-Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
7-Tôn giáo	<u>Không</u>	<u>Không</u>
8-Số giấy CMND	<u>260.246.083</u>	<u>260.250.442</u>
9-Nghề nghiệp và nơi làm việc	<u>N.S. Tr.B</u>	<u>Quản N.S.</u>
10. Chuyển đến : — Ở đâu đến : — Ngày đến :	<u>Sao Long</u> <u>15.12.1976</u>	<u>Sao Long</u> <u>15.12.1976</u>
11. Chuyển đi — Đi đâu — Ngày đi		
Cơ quan ĐKKK	Ngày tháng năm đăng ký Trưởng công an quận huyện ký tên đóng dấu (Chỉ rõ họ tên cấp bậc) <u>Phon Rang 12/7/1984</u> <u>02 Kíat</u> <u>Trần Văn Tâm</u>	

CONTROL

____ Card
____ Doc. Request; Form
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ CUP/Date
____ Membership; Letter

3/26/90

COMPUTERIZED

5/90